



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383

26.1278/2DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 1/2

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT - KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Tại bể gom khu Trung tâm Dịch vụ KCN Bàu Xéo
3. Tên mẫu : Nước thải
4. Ký hiệu mẫu : NT1
5. Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
6. Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
7. Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 25/6/2026
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/2

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	6,23
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	HDCV TB-73:2020	347
3	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	10
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	7
5	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 5988:1995	3,25
6	Nitrat (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	4,83
7	Phosphat (tính theo P) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,62
8	Sulfua (S ²⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023	<0,1
9	Dầu mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023	<3
10	Chất hoạt động bề mặt anion ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,064
11	Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221 B:2023	7,9x10 ¹

Chú thích:

HDCV : Hướng dẫn công việc

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích nội phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383
26.1278/3DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026
Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Sông Thao tại vị trí điểm tiếp nhận nước thải của KCN Bàu Xéo
3. Tên mẫu : Nước mặt
4. Ký hiệu mẫu : NM1
5. Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
6. Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
7. Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 26/6/2026
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/3

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,79
2	Ôxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7325:2016	4,11
3	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	19
4	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	63
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	19
6	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	7,81
7	Nitrit (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	0,89
8	Nitrat (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6180:1996	2,28
9	Phosphat (tính theo P) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	3,62
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,26
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	53,4
12	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,002
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002
14	Tổng dầu, mỡ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B:2023	<1
15	Chất hoạt động bề mặt anion ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,071
16	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6634:2000	7,77
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,004
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0005
21	Tổng crôm (Cr) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
22	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,005
23	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,059
24	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,23
25	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
26	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	0,099
27	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,31
28	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽³⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01
29	Thiếc (Sn) ⁽²⁾⁽³⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,01

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 3/3

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
30	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
31	Benzene Hexachloride (BHC) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
32	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
33	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene)) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
34	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	Heptaclo ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Heptaclo epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
35	Tổng Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B:2023	4,9x10 ⁴
36	E. Coli ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B&F:2023	3,4x10 ³
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,09 (LOQ) (LOD=0,03)
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L		1,1

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vincerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(3) : Thông số chưa được chứng nhận Vincerts

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp thử

LOD : Giới hạn phát hiện

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326B068603 (MITN26009534.02) (MT.2026.03720/2) ngày 19/6/2026

[Signature]

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383
26.1278/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026
Trang 1/3

1. Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
2. Vị trí lấy mẫu : Sông Đồng Nai tại điểm tiếp nhận nước thải của sông Rạch Đông đổ vào
3. Tên mẫu : Nước mặt
4. Ký hiệu mẫu : NM2
5. Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
6. Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
7. Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 25/6/2026
8. Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày trả kết quả
9. Kết quả : Xem trang 2/3, 3/3

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hệ thống lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383/NG
26.1278/4DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/3

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH ⁽¹⁾⁽²⁾		TCVN 6492:2011	7,35
2	Ôxy hòa tan (DO) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7325:2016	4,10
3	BOD ₅ (20°C) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5210 B:2023	4
4	COD ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5220 C:2023	10
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	14
6	Amoni (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,18
7	Nitrit (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	0,058
8	Nitrat (tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6180:1996	0,49
9	Phosphat (tính theo P) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6202:2008	0,046
10	Florua (F ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ B&D:2023	0,11
11	Clorua (Cl ⁻) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6194:1996	5,60
12	Tổng phenol ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6216:1996	<0,002
13	Tổng xyanua ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002
14	Tổng dầu, mỡ ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520 B:2023	<1
15	Chất hoạt động bề mặt anion ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6622-1:2009	<0,06
16	Tổng cacbon hữu cơ (TOC) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6634:2000	2,06
17	Asen (As) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3114 B:2023	<0,001
18	Thủy ngân (Hg) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0005
19	Chì (Pb) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,004
20	Cadimi (Cd) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,0005
21	Tổng crôm (Cr) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
22	Crôm VI (Cr ⁶⁺) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,005
23	Đồng (Cu) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
24	Kẽm (Zn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05
25	Niken (Ni) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,01
26	Mangan (Mn) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 3120 B:2023	<0,05
27	Sắt (Fe) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6177:1996	0,89
28	Crôm III (Cr ³⁺) ⁽³⁾⁽⁴⁾	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023 & SMEWW 3120 B:2023	<0,01
29	Thiếc (Sn) ⁽²⁾⁽³⁾	mg/L	SMEWW 3113 B:2023	<0,01

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 3/3

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
30	Aldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
31	Benzene Hexachloride (BHC) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	α-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	β-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	γ-HCH (Lindan) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
	δ-HCH ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,02
32	Dieldrin ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
33	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene)) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	<0,1
34	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L	USEPA 3535A:2007 & USEPA 3620C:2014 & USEPA 8270D:2014	-
	Heptachlor ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
	Heptachlor epoxit ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/L		<0,1
35	Tổng Coliform ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B:2023	1,1x10 ⁵
36	E. Coli ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100 mL	SMEWW 9221 B&F:2023	7,0x10 ³
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α (*)	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	<0,09 (LOQ) (LOD=0,03)
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β (*)	Bq/L		<0,3 (LOQ) (LOD=0,1)

Chú thích:

SMEWW : Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

(3) : Thông số chưa được chứng nhận Vimcerts

(4) : Thông số chưa được công nhận VILAS

LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp thử

LOD : Giới hạn phát hiện

(*): Do Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 thực hiện theo Phiếu kết quả thử nghiệm số Q326B068603 (MITN26009534.03) (MT.2026.03720/3) ngày 19/6/2026

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383
26.1278/5DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026
Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Khu vực đầu Dự án - Góc Đông Bắc gần QL.1A - Đầu hướng gió
- Tên mẫu : Không khí xung quanh
- Ký hiệu mẫu : K1
- Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 16/6/2026
- Thời gian lưu mẫu : Không lưu mẫu
- Kết quả : Xem trang 2/2

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	155
2	SO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<33
3	NO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<15
4	CO ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	HDCV TN-73:2020 (Ref.TCVN 5972:1995)	<10.000
5	Benzen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
6	Toluen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
7	Xylen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15

Chú thích:

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimecerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383
26.1278/6DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026
Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Khu vực giữa Dự án - Khu vực Trung tâm
- Tên mẫu : Không khí xung quanh
- Ký hiệu mẫu : K2
- Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 16/6/2026
- Thời gian lưu mẫu : Không lưu mẫu
- Kết quả : Xem trang 2/2

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	<30
2	SO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<33
3	NO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<15
4	CO ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	HDCV TN-73:2020 (Ref.TCVN 5972:1995)	<10.000
5	Benzen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
6	Toluen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
7	Xylen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15

Chú thích:

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vincerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383
26.1278/7DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Khu vực cuối Dự án - Góc Tây Nam - Giáp khu dân cư - Cuối hướng gió
- Tên mẫu : Không khí xung quanh
- Ký hiệu mẫu : K3
- Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 16/6/2026
- Thời gian lưu mẫu : Không lưu mẫu
- Kết quả : Xem trang 2/2

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	94,6
2	SO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<33
3	NO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<15
4	CO ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	HDCV TN-73:2020 (Ref.TCVN 5972:1995)	<10.000
5	Benzen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
6	Toluen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
7	Xylen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15

Chú thích:

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vincerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

[Handwritten signature]

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



VILAS 058

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI

518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai

Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

Số 26.01383

26.1278/8DV

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 1/2

- Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
KCN Bàu Xéo, P.Trảng Bom, Tp.Đồng Nai
- Vị trí lấy mẫu : Khu vực dân cư gần Dự án tại xã Đồi 61
- Tên mẫu : Không khí xung quanh
- Ký hiệu mẫu : K4
- Ngày lấy mẫu : 08/6/2026
- Ngày nhận mẫu : 08/6/2026
- Thời gian thử nghiệm : 08/6/2026 - 16/6/2026
- Thời gian lưu mẫu : Không lưu mẫu
- Kết quả : Xem trang 2/2

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTTN

Dương Thị Thanh Phương

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Phương Lan

- Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm
- Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản
- Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI
518 - 520 Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai
Điện thoại: 0251 3895673 - Fax: 0251 3894080

VILAS 058



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

29/6/2026

Trang 2/2

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	159
2	SO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	<33
3	NO ₂ ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	<15
4	CO ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	HDCV TN-73:2020 (Ref.TCVN 5972:1995)	<10.000
5	Benzen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
6	Toluen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15
7	Xylen ⁽¹⁾⁽²⁾	µg/Nm ³	USEPA method TO-17:1999	<15

Chú thích:

HDCV : Hướng dẫn công việc

USEPA : United States Environmental Protection Agency

(1) : Thông số được chứng nhận Vimcerts 003

(2) : Thông số được công nhận VILAS

1. Các kết quả thử nghiệm trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được đo đạc, thử nghiệm

2. Phiếu kết quả thử nghiệm này không được sao trích một phần nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai bằng văn bản

3. Hết thời gian lưu mẫu, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng